

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim Y - sinh năm: 1977; CCCD số: 048177000708; Địa chỉ: Chung cư đường H, P - N, thuộc tổ E phường H, thành phố Đà Nẵng;

- Bị đơn: Ông Trần Đình D - sinh năm: 1977; CCCD số: 048077002763; Địa chỉ: Chung cư đường H, P - N, tổ E phường H, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 06 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim Y - sinh năm: 1977; CCCD số: 048177000708; Địa chỉ: Chung cư đường H, P - N, thuộc tổ E phường H, thành phố Đà Nẵng;

- Bị đơn: Ông Trần Đình D - sinh năm: 1977; CCCD số: 048077002763; Địa chỉ: Chung cư đường H, P - N, tổ E phường H, thành phố Đà Nẵng.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 79 cấp ngày 07/9/1998 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là phường T), thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành Quyết định này).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim Y và ông Trần Đình D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Ngô Thị Kim Y và ông Trần Đình D xác định có 02 con chung: Trần Ngô Quang T - sinh ngày 11/10/1999 và Trần Ngô Kim N - sinh ngày 22/04/2002. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Kim Y và ông Trần Đình D xác định không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Ngô Thị Kim Y chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0004029 ngày 17 tháng 04 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà Ngô Thị Kim Y số tiền còn thừa 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND KV4 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê, Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

Phan Văn Trình